Ảnh: Internet

Quan hệ Việt - Nga có từ lâu, vào giữa thế kỷ XIX, khi tàu thủy của Nga cập cảng Sài Gòn. Cách mạng tháng Mười thắng lợi, mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người và ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng Việt Nam. Đi theo đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin, của Cách mạng tháng Mười, cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi.

Từ năm 1950, quan hệ ngoại giao chính thức giữa Liên Xô và Việt Nam được thiết lập. Từ đó, quan hệ Xô - Việt ngày càng được củng cố và phát triển về tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự… trên cơ sở nguyên tắc Mác - Lênin và cả chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chính phủ và nhân dân Liên Xô đã giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Sau khi Việt Nam thống nhất, Liên Xô tiếp tục giúp đỡ Việt Nam xây dựng lại đất nước sau nhiều năm bị chiến tranh tàn phá.

Năm 1991, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết tan rã. Quan hệ Việt - Nga chuyển sang giai đoạn mới. Quan hệ Việt - Nga từ đây vừa kế thừa, tiếp nối quan hệ Xô- Việt trước đây, vừa có những thay đổi về chất, điều chỉnh một cách căn bản so với quan hệ Xô- Việt: quan hệ trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi và trải qua một số giai đoạn phát triển khác nhau.

1. Giai đoạn 1991-1993:

Đây là giai đoạn khó khăn nhất trong quan hệ Việt - Nga. Mối quan hệ lúc này bị ngừng trệ, suy giảm mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do cả hai bên đều xác định lại hệ thống các lợi ích quốc gia của mình, cũng như sự ưu tiên đối ngoại của từng nước đã trở nên rất khác nhau trong bối cảnh quốc tế mới sau chiến tranh lạnh. Liên bang Nga mãi theo đuổi chính sách đối ngoại "Định hướng Đại Tây Dương", đặt các nước tư bản phát triển phương Tây lên thành ưu tiên số một. Còn Việt Nam coi việc cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, các nước Đông Nam Á lên hàng đầu. Việt Nam cũng rất khó khăn trong việc xác định đối tác mới của mình- Liên bang Nga là một đối tác như thế nào?

Ngoài ra, còn có nguyên nhân khác: sự thay đổi quá nhanh của tình hình quốc tế, mà hệ quả là trong khi cơ chế quan hệ truyền thống bị đổ vỡ, thì cơ chế quan hệ kiểu mới đã không kịp điều chỉnh và thiết lập ngay được. Hơn nữa, khoản nợ của Việt Nam đối với Liên Xô mà Nga kế thừa cũng trở thành vật cản lớn đối với quan hệ Việt - Nga.

2. Giai đoạn 1994-1996:

Những thất bại của chính sách đối ngoại phiến diện, chứa đầy ảo tưởng về thế giới phương Tây những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đã thức tỉnh ban lãnh đạo Nga. Từ năm 1994, Liên bang Nga đã có những điều chỉnh quan trọng, căn bản có tính chất bước ngoặt trong chính sách đối ngoại. Nội dung bao trùm của quá trình điều chỉnh đó là lấy "Định hướng Âu - Á" (cân bằng quan hệ cả hướng Tây lẫn hướng Đông) thay cho "Định hướng Đại Tây Dương", nhằm khắc phục tình trạng phiến diện trong quan hệ với Mỹ và các nước phương Tây, đồng thời chú trọng hơn trong việc phát triển quan hệ hợp tác với các nước châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là các nước SNG, Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN.

Sự khẳng định chính sách đối ngoại mới của Nga được Tổng thống Nga nhấn mạnh trong Thông điệp Liên bang đọc trước Đuma quốc gia ngày 24-2-1994: "Năm 1994, chúng ta phải chấm dứt những nhượng bộ đơn phương đã trở thành một thói quen xấu… Nước Nga không phải là một vị khách ở châu Âu mà là một nước tham gia đầy đủ vào cộng đồng châu Âu và có quyền được hưởng phúc lợicủa cộng đồng. Chúng ta sẽ xuất phát từ tiền đề này."

Triển khai chính sách đối ngoại "Định hướng Âu - Á", khu vực Đông Nam Á ngày càng thu hút sự quan tâm của Liên bang Nga. Nga ngày càng nhận thức sâu sắc hơn những biến đổi to lớn và quan trọng ở khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh. Đặc biệt, sự cải thiện quan hệ giữa hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN. Sự phát triển năng động của khu vực đã tác động không nhỏ đến sự thay đổi cách nhìn của Liên bang Nga trong quan hệ với các nước ASEAN, đến sự điều chỉnh chính sách của Nga đối với khu vực này. Mở rộng quan hệ song phương với từng nước ASEAN, Liên bang Nga có những nỗ lực đáng kể trong việc phát triển quan hệ đa phương với ASEAN, nhất là từ khi Nga trở thành 1 trong 18 nước tham gia diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF) vào tháng 4-1994 và là 1 trong 10 bên đối thoại đầy đủ của ASEAN (7-1996).

3. Giai đoạn 1994-1996:

Đây là giai đoạn quan hệ Việt - Nga từng bước được cải thiện và chuyển theo chiều hướng tích cực. Cơ sở của sự

chuyển hướng đó là hai nước đã ký *"Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ giữa Liên bang Nga và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* vào tháng 6-1994 trong chuyến thăm hữu nghị của Thủ tướng Võ Văn Kiệt thay cho *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Xô - Việt* (11-1978) đã hết hiệu lực. Đây là sự kiện quan trọng, mở ra giai đoạn mới trong quan hệ giữa hai nước, giai đoạn quan hệ theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Hiệp ước này trở thành nền tảng pháp lý để hai nước xúc tiến quan hệ kiểu mới, khác về chất so với quan hệ Xô - Việt trước đây.

4. Giai đoạn 1997-1999:

Đây là giai đoạn quan hệ Nga - Việt được nâng cao về chất, trước hết là trong lĩnh vực chính trị - đối ngoại. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã thực hiện nhiều chuyến thăm và làm việc ở từng nước, ký kết nhiều văn kiện hợp tác quan trọng. Trong đó, đáng chú ý nhất là chuyến thăm Việt Nam tháng 11-1997 của Thủ tướng Liên bang Nga V.Checnômurđin. Chuyến thăm này là một mốc quan trọng trong lịch sử quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt Việt - Nga, thể hiện mối quan tâm ngày càng tăng của Nga đối với việc phát triển quan hệ với các nước châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng. Nga tuyên bố quan hệ với Việt Nam là quan hệ đối tác chiến lược.

Tháng 8-1998, Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm chính thức Liên bang Nga. Tổng thống B.Eltsin nhấn mạnh: "Không ai, không có gì và không có thế lực nào có thể ngăn cấm sự hợp tác tốt đẹp giữa hai nước vì lợi ích của mỗi nước và hoà bình thế giới." Hai bên đã ký Tuyên bố chung Việt Nam - Liên bang Nga, Hiệp định tương trợ tư pháp, Hiệp định về hợp tác xây dựng và vận hành nhà máy lọc dầu Dung Quất, Hiệp dịnh về thanh toán giữa hai ngân hàng và thoả thuận hợp tác giữa hai Bộ Tư pháp. Quan hệ thương mại từ đây có khởi sắc nhưng vẫn còn rất khiêm tốn.

5. Giai đoạn 1999 đến nay:

Sự phát triển ổn định của Việt Nam và nước Nga từng bước ra khỏi khủng hoảng về kinh tế - chính trị - xã hội đã tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển quan hệ hai nước những năm đầu của thế kỷ XXI. Bước ngoặt trong chính sách ngoại thương Nga với các nước Đông Á và Đông Nam Á có thể được đánh dấu vào thời điểm năm 2000, khi *"Quan niệm mới về chính sách đối ngoại của Liên bang Nga"* được thông qua. Văn kiện này thể hiện một hệ thống quan điểm về nội dung và đường lối chính của hoạt động ngoại thương Nga trong tương lai tổng quan, ưu tiên thúc đẩy sự phát triển các quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư tài chính Nga với các quốc gia châu Á.

Chuyến thăm Liên bang Nga của Thủ tướng Phan Văn Khải vào tháng 9-2000 và việc ký Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Liên bang Nga đối với các khoản tín dụng đã cung cấp trước đây cùng các Hiệp định, Nghị định thư khác về hợp tác văn hoá, giáo dục, đào tạo đã thúc đẩy sự phát triển toàn diện quan hệ giữa hai nước. Quan hệ thương mại bước đầu tăng trưởng. Đặc biệt, chuyến thăm chính thức đầu tiên (28/2 - 2/3/2001) của người đứng đầu Nhà nước Nga - Tổng thống V.Putin - thể hiện mối quan tâm ngày càng gia tăng của Nga trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống Nga - Việt lên tầm cao hơn. Trong chuyến thăm lịch sử này, hai nước Việt - Nga đã ký nhiều văn kiện và Hiệp định quan trọng, trong đó có Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga, thể hiện ý chí, nguyện vọng của hai nước mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác lâu dài. Từ đây, nhiều lĩnh vực hợp tác giữa hai nước đã thu được những kết quả khả quan.

Quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga:

- Kim ngạch thương mại giai đoạn 2001-2005:

Năm 2001: 573 triệu USD
Năm 2002: 700 triệu USD
Năm 2003: 650,3 triệu USD
Năm 2004: 800 triệu USD
Năm 2005:1.019 triệu USD

- Đầu tư của Liên bang Nga vào Việt Nam (tính đến năm 2005):47 dự án với tổng số vốn là 278 triệu USD, đứng thứ 21/73 trong số nước và khu vực lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Đầu tư vào 16 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam.
- Đầu tư của Việt Nam vào Liên bang Nga (2005):11 dự án với tổng số vốn là 38 triệu USD, chiếm 11% dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài.

Quan hệ Việt - Nga từ thập kỷ 90 thế kỷ trước đến nay đã kế thừa quan hệ Xô - Việt trước đây và chuyển sang một thời kỳ phát triển mới phù hợp với bối cảnh quốc tế, khu vực và của mỗi nước. Sau thời gian đầu bị ngưng trệ, các

quan hệ thương mại, đầu tư, khoa học, giáo dục đã có phát triển, nhưng chưa hoàn toàn phản ánh được tiềm năng to lớn của hai nước. Vì vậy, quan hệ hợp tác Việt - Nga phải được chính phủ hai nước giải quyết thúc đẩy ngang tầm với vị thế của hai nước, mang lại hiệu quả thiết thực cho cả hai quốc gia.

Xác định tầm quan trọng của mối quan hệ Việt- Nga, trong chuyến thăm Liên bang Nga gần đây nhất của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng từ ngày 9 - 12/9/2007, Việt Nam và Liên bang Nga đã ra Thông cáo chung nhấn mạnh ý nghĩa lịch sử của Hiệp định về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga ký ngày 16-6-1994 và Tuyên bố chung về đối tác chiến lược giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga ký ngày 1-3-2001. Việt Nam và Nga bày tỏ quyết tâm tiếp tục tăng cường và mở rộng việc phối hợp trên cơ sở lâu dài trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật, kỹ thuật - quân sự, văn hoá và giáo dục trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, đáp ứng lợi ích của hai dân tộc, vì sự phát triển và thịnh vượng của khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ Liên bang Nga tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý cho quan hệ hợp tác, phù hợp với đòi hỏi thời đại và lợi ích của hai bên.

TS. Hồ Tố Lương

Viện Sử học [Trang Tin tức Sự kiện]

http://www.bulletin.vnu.edu.vn/ttsk/Vietnamese/C2088/2007/11/N19889/?35